

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Ý.
2. Ông Lê Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Tuyết K, sinh năm 1999; Căn cước số: 075199002335, ngày cấp: 24/12/2024, nơi cấp: Bộ C; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai; (địa chỉ trước đây là thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh Trần Công D, sinh năm 1996; Giấy chứng minh nhân dân số: 215387099, ngày cấp 21/5/2018, nơi cấp: Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G); địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; (địa chỉ trước đây là thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết K trình bày:

Chị và anh Trần Công D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai) vào ngày 16/7/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai (địa chỉ trước đây là: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định); chị làm nhân viên kiểm hàng, còn anh D làm nghề hàng lười cửa xưởng gỗ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà quậy phá và đánh đập chị; khi con đau ốm thì anh D không quan tâm mà bỏ mặc cho chị tự lo. Đến năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng chị trầm trọng và không thể hàn gắn được nên chị về nhà cha mẹ ruột để ở cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh D không còn quan tâm gì đến nhau và ai cũng có cuộc sống riêng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng Huy L, sinh ngày 20/01/2020, hiện đang ở với chị, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Hoàng Huy L, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện chịu án phí ly hôn.

* Bị đơn anh Trần Công D đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K; giao 01 con chung tên Trần Hoàng Huy L, sinh ngày 20/01/2020 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết K yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con. Cho nên, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai) đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Công D vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét

xử, quyết định hoãn phiên tòa. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Huỳnh Thị Tuyết K và anh Trần Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai) vào ngày 16 tháng 7 năm 2020, nên hôn nhân giữa chị K và anh D là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ, lời trình bày của chị K thì quá trình chung sống giữa chị K và anh D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà quậy phá và đánh đập chị; khi con đau ốm thì anh D không quan tâm mà bỏ mặc cho chị tự lo. Đến năm 2022, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không thể hàn gắn được nên chị về nhà cha mẹ ruột để ở cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh D không còn quan tâm gì đến nhau và ai cũng có cuộc sống riêng. Về phía anh D, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo nhưng anh D không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, có ý thức bỏ mặc; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị K và anh D được ly hôn.

[4] Chị Huỳnh Thị Tuyết K và anh Trần Công D có 01 con chung tên Trần Hoàng Huy L, sinh ngày 20/01/2020; hiện con chung đang ở với chị K, sức khỏe các cháu bình thường. Chị K có nguyện vọng nuôi cháu Trần Hoàng Huy L. Xét điều kiện của các bên và quyền lợi về mọi mặt của con chung, xét thấy nên giao cháu Trần Hoàng Huy L cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị K phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Tuyết K và anh Trần Công D.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Trần Hoàng Huy L, sinh ngày 20/01/2020, cho chị Huỳnh Thị Tuyết K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Tuyết K phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003164, ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh G).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai;
- (Số 123, năm 2020, Phước Sơn)*
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Tú

